

Bản án số: 05/2021/DS-PT

Ngày 10-5-2021

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huy Huân;

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Loan;

Ông Hoàng Đức Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Huyền - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Bà Vương Thị Chiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 10-5-2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2021/TLPT-DS ngày 09-3-2021 về tranh chấp quyền sử dụng đất. Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 26-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐ-PT ngày 09-4-2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐ-PT ngày 22-4-2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Thèn Văn H; sinh năm 1967; Địa chỉ: đội 2, thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Quốc D; sinh năm 1980; Địa chỉ: đội 7, thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Vương Chấn P; sinh năm 1957; Địa chỉ: đội 2, thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Bà Thèn Già D1; địa chỉ: đội 2, thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang; vắng mặt (đã ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Thèn Văn H theo văn bản ủy quyền ngày 20-6-2019).

- Anh Thèn Văn L1; địa chỉ: đội 2, thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang; vắng mặt (đã ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Thèn Văn H theo văn bản ủy quyền ngày 20-6-2019).

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Bùi Quốc D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04-10-2018, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 02-12-2019, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Thèn Văn H trình bày: Năm 1994 gia đình ông được UBND xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang giao cho một mảnh đất vườn rừng với diện tích là 08 ha theo quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 04-10-1994 (Sổ lâm bạ); ngày 05/3/2009 được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AO 747096 thửa đất số 725 tờ bản đồ 2, diện tích 9.811m², đất rừng sản xuất, địa chỉ thửa đất: thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang là một phần diện tích đất trong Sổ lâm bạ. Ngày 05/11/2014 ông được UBND huyện V cấp đổi bằng GCNQSDĐ số BQ 888215, thửa đất số 107 tờ bản đồ số 6, diện tích 9.234,2m², địa chỉ thửa đất: thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang. Từ khi được cấp đất gia đình vẫn sử dụng không tranh chấp với ai, đến đầu năm 2017 ông đi phát diện tích đất còn lại để trồng keo thì anh Bùi Quốc D trú tại thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang đến tranh chấp cho rằng đất của mình. Ngày 06-6-2017 các phòng ban của hai huyện và cơ quan chuyên môn, Phòng TN&MT huyện V và huyện B, chính quyền hai xã, hai thôn xuống thực địa xác minh và định vị GPS xác định diện tích đất đang tranh chấp thuộc địa giới hành chính xã T, huyện V quản lý. Ông làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V giải quyết buộc ông Bùi Quốc D và ông Vương Chấn P phải trả cho gia đình ông diện tích đất đang tranh chấp mà gia đình ông đã được cấp Sổ lâm bạ từ năm 1994 và đề nghị công nhận cho ông được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/8/2019.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Bùi Quốc D trình bày: Vào năm 2004 ông được Hợp tác xã thôn L, xã Đ, huyện B giao cho quản lý sử dụng đất vườn rừng với diện tích là 1,8 ha (18.000m², đo bằng thước) có giấy xác nhận của UBND xã Đ, huyện B, do ông Nguyễn Quang L2 là Phó chủ tịch UBND xã Đ ký nhưng không ghi ngày. Tại thời điểm đó ông có phát đốt mục đích để trồng keo nhưng do đất cần cỗi nên bỏ hoang, cho đến năm 2010 ông lại phát đốt lần nữa nhưng không trồng được cây gì và bỏ hoang đến khi tranh chấp là năm 2017. Ngày 28-4-2017, UBND xã T, huyện V tiến hành hòa giải, đến ngày 03-5-2017 ông Thèn Văn H tiến hành san ủi và trồng keo, ngày 09-8-2017 UBND xã T tiến hành hòa giải lần 2, ông có quan điểm chia đôi phần đất đó mỗi người một nửa nhưng ông H không nhất trí nên việc tranh chấp kéo dài đến nay, ông H đang trồng keo trên phần đất đó. Ông yêu cầu ông H trả lại diện tích đất tranh chấp cho ông là 1,8 ha.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vương Chấn P trình bày: Năm 1992 ông khai phá đất tại đội 2, thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang, đến ngày 03-4-2000 ông được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ theo quyết định số 573/QĐ-UB, thửa số 21, tờ bản đồ số 6, diện tích 30.000m²; ngày 05/11/2014

UBND huyện V đã cấp đổi GCNQSDĐ số CH 00098 số thửa 104, tờ bản đồ số 6, diện tích 37.863,1m²; đến năm 2014 gia đình ông đã góp cổ phần toàn bộ diện tích của thửa đất trên cho công ty cổ phần cao su Hà Giang. Tuy nhiên một phần thửa đất giáp với đất của ông Thèn Văn H do đang xảy ra tranh chấp nên Công ty cổ phần cao su Hà Giang ngừng chưa triển khai trồng, phần đất này đã được đào hố bón phân, đến năm 2018 mặc dù chưa giải quyết nhưng ông Thèn Văn H đã tự ý khai thác trồng cây keo vào phần đất đang tranh chấp, nay Tòa án nhân dân huyện V thụ lý vụ án và đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ xong, ông yêu cầu ông Thèn Văn H trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho gia đình ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thèn Già D1 trình bày: bà là vợ ông Thèn Văn H, nội dung trình bày của bà Thèn Già D1 về việc tranh chấp hoàn toàn phù hợp nội dung trình bày của nguyên đơn ông Thèn Văn H, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của ông Thèn Văn H, bản thân bà do sức khỏe yếu nên ủy quyền cho ông H thay mặt tham gia giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thèn Văn L1 trình bày: Anh Thèn Văn L1 là con trai ruột của ông Thèn Văn H hiện đang sống cùng gia đình ông H vào thời điểm cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông H thì anh Ly là thành viên có tên trong sổ hộ khẩu gia đình, việc ông H khởi kiện anh Bùi Quốc D lấn chiếm đất của gia đình anh thì anh Ly có biết, anh Ly nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông H, anh Ly ủy quyền cho ông H tham gia tố tụng và toàn quyền quyết định yêu cầu khởi kiện tại Tòa án.

Tại Bản án số 01/2021/DS-ST ngày 26-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 5, 6, Điều 12, Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 175, Điều 176; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 203; Điều 220; Điều 244; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Thèn Văn H.

Giao cho hộ gia đình ông Thèn Văn H được sử dụng diện tích đất 19.837,4m² nằm một phần tại thửa 137 diện tích 11.175m², trừ đi 131,6m² nằm 1 phần trong thửa 107, diện tích còn lại 19.705,8m². Hình thể, vị trí, các hướng tiếp giáp thửa đất được thể hiện tại mảnh trích đo địa chính số 09-2019 hệ tọa độ

VN2000, khu đất tranh chấp đội 2, thôn C, tờ số 2, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang, ngày 13-8-2019. Có các hướng tiếp giáp:

- Hướng đông bắc giáp đường mòn.
- Hướng tây nam giáp hộ ông Thèn Văn D2.
- Hướng tây bắc giáp hộ ông Vương Chấn P.
- Hướng đông nam giáp hộ ông Thèn Văn P1.

Ông Thèn Văn H làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét đề cấp GCNQSDĐ.

Ngoài ra còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 09-02-2021, ông Bùi Quốc D có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu giao cho ông sử dụng hơn 6.000m² đất tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo ông Bùi Quốc D giữ nguyên nội dung kháng cáo, nguyên đơn ông Thèn Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng, Tòa án nhân dân huyện V không hướng dẫn ông P viết đơn yêu cầu độc lập, không thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, không thu thập tài liệu hòa giải tranh chấp đất đai giữa ông P và ông H, vi phạm Điều 202, điểm b khoản 1 Điều 192 BLTTDS; Các tài liệu trong hồ sơ chưa đủ căn cứ để chứng minh nguồn gốc đất tranh chấp là của hộ ông H được cấp theo sổ lâm bạ; các vị trí tiếp giáp trong sổ lâm bạ và hiện trạng sử dụng của ông H có sự thay đổi, sơ đồ lồng ghép có sự mâu thuẫn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập làm rõ, chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án, biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ chưa ghi rõ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, chưa mô tả rõ hiện trường, vi phạm khoản 2 Điều 97, khoản 2 Điều 101 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án số 01/2021/DS-ST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Trong thời hạn kháng cáo, bị đơn ông Bùi Quốc D có đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn ông Bùi Quốc D yêu cầu được giao diện tích đất tranh chấp để sử dụng, Hội đồng xét xử thấy:

[3] Việc xác định diện tích đất tranh chấp: Căn cứ vào kết quả lồng ghép mảnh trích đo 09-2019 ngày 13-8-2019, lồng ghép bổ sung ngày 19-4-2021 của Văn phòng đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) tỉnh Hà Giang, kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14-6-2019, xác định diện tích đất tranh chấp là 15.485,9m² trong đó tranh chấp giữa hộ ông H với ông P là 4.315,7m² (thửa số 01 mảnh trích đo); diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông H với ông Bùi Quốc D là 11.170,2m² (thửa số 03 mảnh trích đo), diện tích 4.351,5m² (thửa số 02 mảnh trích đo) không có tranh chấp. Trong toàn bộ diện tích đất tranh chấp có 6.109,2m² đất thuộc thửa số 670, có 10.245m² đất thuộc thửa số 669 tờ bản đồ địa chính số 02 xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang.

[4] Năm 2014, UBND huyện V cấp đổi GCNQSDĐ cho toàn bộ người dân thôn C, xã T, huyện V, diện tích đất tranh chấp hiện nay chưa cấp GCNQSDĐ cho ai. Khi Tòa án huyện V tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thì ông P cho rằng hộ gia đình ông H sử dụng đất lấn chiếm đất của hộ ông P đã được cấp GCNQSDĐ tại thửa số 104 tờ bản đồ số 6 diện tích 37.863,1m².

[5] Căn cứ vào kết quả xác minh tại UBND xã T, ông Phạm Kim S - Phó chủ tịch UBND xã T, huyện V cho biết: diện tích đất tranh chấp do gia đình ông H đã sử dụng từ lâu, đất không thuộc quy hoạch của nhà nước và có nguồn gốc được cấp sổ lâm bạ, ông H chứng minh được nguồn gốc sử dụng đất. Do vậy giao cho gia đình ông H sử dụng là hợp lý và yêu cầu ông H phải làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ, về phía anh D, ông P là người lấn chiếm đất tranh chấp không có cơ sở, không có giấy tờ và nguồn gốc sử dụng hợp pháp nên không chấp nhận.

[6] Ông Nông Văn S1 - nguyên Chủ tịch UBND xã T là người ký quyết định giao đất lâm nghiệp năm 1994 (Sổ lâm bạ): Căn cứ vào nhu cầu và đơn xin đất làm vườn rừng của hộ ông Thèn Văn H - UBND xã T đã giao đất và cấp sổ lâm bạ cho ông H vào ngày 04/10/1994 diện tích là 8,0 ha có các hướng tiếp giáp: hướng Đông giáp suối, hướng Tây giáp đất ông D2, hướng Nam giáp xã Đ (huyện B), hướng Bắc giáp đất ông L3, lúc đó ông là chủ tịch UBND xã T đã ký cấp sổ lâm bạ cho ông H. Từ khi được cấp đất thì gia đình ông H vẫn sử dụng ổn định và trồng rừng ông là người địa phương sau này đã nghỉ hưu thì không thấy tranh chấp với ai, sau này ông H có tranh chấp với ai thì ông không biết. Quan điểm của ông S1 đất đã được giao cho ông H từ năm 1994 đã gần 30 năm vẫn sử dụng ổn định nếu ông H có nhu cầu sử dụng tiếp thì nhà nước tiếp tục giao đất và cấp GCNQSDĐ cho ông H để yên tâm sử dụng.

[7] Ông Tài Văn C1 là Trưởng thôn C, xã T cho biết: năm 1994 ông H được UBND xã T cấp sổ lâm bạ giao đất vườn rừng với diện tích là 8ha tại thôn

C, năm 2009 ông H được cấp GCNQSDĐ số AO 747096 thửa 725 tờ bản đồ số 2, diện tích 9.811,0m², đến năm 2014 ông H được cấp đổi GCNQSDĐ số BQ 888215 thửa 107 tờ bản đồ số 6, diện tích 9.234,2m². Đối với diện tích còn lại trong sổ lâm bạ ông H đang sử dụng mà Tòa án đã xem xét, thẩm định tại chỗ tại thôn C thì gia đình ông H vẫn sử dụng làm vườn rừng từ năm 1994 đến nay, năm 2017 thì xảy ra tranh chấp với anh Bùi Quốc D trú tại đội 7, thôn L, xã Đ, huyện B, diện tích đất tranh chấp ông H đã sử dụng từ lâu trước đây không có ai tranh chấp hiện tại chưa được cấp bìa đỏ còn lý do gì nhà nước chưa cấp thì ông không nắm rõ. Quan điểm của ông là đất ông H đã sử dụng ổn định từ lâu, đúng mục đích và việc sử dụng đất này nhiều người trong thôn biết và chứng kiến, vì vậy đề nghị xem xét giao cho ông H sử dụng là phù hợp với thực tế.

[8] Kết quả xác minh tại Phòng TN&MT huyện V, ông Nguyễn Văn Đ1 là Trưởng phòng cho biết: quá trình sử dụng diện tích đất đang tranh chấp thì từ trước ông hộ ông H vẫn sử dụng ổn định, đất không nằm trong quy hoạch nhưng không biết lý do gì ông H không làm thủ tục để được cấp bìa đỏ. Như vậy ông H là người chứng minh được nguồn gốc sử dụng đất, có đủ cơ sở để được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp; về phía ông D không phải là công dân thôn C, khác địa giới hành chính, mặt khác ông D cũng không có bất cứ một loại giấy tờ gì để chứng minh diện tích đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của mình.

[9] Ông Lù Sải C1 là hộ được cấp GCNQSDĐ thửa số 669, tờ bản đồ số 02 cho biết: Việc cấp GCNQSDĐ trước đây có sổ thửa, diện tích bao nhiêu ông không nhớ, năm 2014 được cấp đổi GCNQSDĐ số BQ888248 đối với đất vườn rừng thửa số 96,126 tờ bản đồ 06. Về vị trí thửa đất theo GCNQSDĐ cũ và mới không thay đổi, khu đất vườn rừng ông sử dụng cách khu vực đất tranh chấp khoảng 400 đến 500m, ông không có ý kiến gì về phần diện tích đất tranh chấp giữa các hộ hiện nay, cho nên khi giải quyết tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông C1 tham gia tố tụng thì quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông Lù Sải C1 không bị ảnh hưởng.

[10] Năm 2008, 2009 UBND huyện V cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình theo tờ bản đồ số 02 xã T, trong đó thửa số 669 cấp cho hộ ông Lù Sải C1; thửa số 681 cấp cho hộ ông Vương Chấn P; thửa số 725 cấp cho hộ ông Thèn Văn H; thửa số 670 chưa cấp cho hộ gia đình, cá nhân nào. Năm 2014, UBND huyện V cấp đổi GCNQSDĐ theo tờ bản đồ số 06 xã T thì ông Lù Sải C1 được cấp các thửa 96, 126; hộ ông Vương Chấn P được cấp thửa số 104; hộ ông Thèn Văn H được cấp thửa số 107.

[11] Tại công văn số 607/UBND-TNMT ngày 22-4-2021 của UBND huyện V thì quá trình cấp đổi GCNQSDĐ theo tờ bản đồ số 06 mặc dù vị trí, ranh giới, diện tích đất thay đổi so với kết quả cấp đất năm 2008, 2009 tờ bản đồ số 02 nhưng vị trí đất, ranh giới, diện tích phù hợp với hiện trạng sử dụng đất

của các hộ gia đình. Vị trí khu đất tranh chấp hiện chưa được cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân nào. UBND huyện V chưa có đủ cơ sở khẳng định có nằm trong diện tích 08 ha trong Sổ lâm bạ đã cấp cho ông Thèn Văn H, lý do Sổ lâm bạ không thể hiện rõ vị trí, ranh giới thửa đất, tọa độ đỉnh thửa, tuy nhiên trong quá trình xác minh, thì ông H đã sử dụng đất ổn định từ năm 1994, không có tranh chấp. Quá trình xác minh thì ông H là người chứng minh được nguồn gốc sử dụng đất, có đủ cơ sở để được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp, về phía ông D không phải là công dân thôn C, xã T, khác địa giới hành chính, mặt khác ông D cũng không có bất cứ một loại giấy tờ gì để chứng minh diện tích đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của mình.

[12] Như vậy, ông H chứng minh được nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất đang tranh chấp, ông đề nghị công nhận cho ông được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất ông xác định khi giải quyết tranh chấp là 19.705,8m² (thửa 1, 2, 3 mảnh trích đo 09-2019 trừ diện tích 131,6m² thuộc thửa số 107 đã được cấp GCNQSDĐ) nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thèn Văn H là có căn cứ. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao toàn bộ diện tích đất tranh chấp cho hộ gia đình ông H là chưa phù hợp vì thẩm quyền giao đất thuộc UBND, cấp phúc thẩm sẽ tuyên lại cho chính xác. Ông H có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đề nghị cấp GCNQSDĐ.

[13] Đối với ông Bùi Quốc D là công dân thôn L, xã Đ, huyện B cho rằng diện tích đất tranh chấp với hộ ông H là do ông được HTX thôn L, xã Đ, huyện B giao quản lý vào năm 2008 diện tích 18.000m² thể hiện tại đơn xin cấp quyền sử dụng đất (bút lục số 149), ngoài ra không cung cấp thêm chứng cứ nào khác. Hội đồng xét xử thấy: Đơn xin cấp quyền sử dụng đất không ghi ngày tháng năm, mặc dù có xác nhận của Trưởng thôn L và Phó chủ tịch UBND xã Đ, huyện B, nhưng không có vị trí, ranh giới đất, trong khi diện tích đất tranh chấp hiện nay lại thuộc địa giới hành chính thôn C, xã T, huyện V (Báo cáo số 67/BC-TN&MT ngày 13-6-2017 của Phòng TN&MT huyện V). Ông D cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh quá trình sử dụng đất trên thực tế. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Bùi Quốc D không cung cấp thêm chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình nên yêu cầu của ông D đề nghị được giao sử dụng diện tích đất tranh chấp (thửa 03 mảnh trích đo) là không có căn cứ.

[14] Đối với ông Vương Chấn P là hộ giáp ranh, khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thì xác định thửa số 1 của mảnh trích đo địa chính số 09-2019, diện tích 4.315,7m² nằm trong thửa số 104 mà gia đình ông được cấp GCNQSDĐ. Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ xác định: hộ ông P được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số S 038634 ngày 13/10/2000 tờ bản đồ số 6 số thửa 21 diện tích 30.000m², mục đích sử dụng đất vườn rừng; năm 2014 được cấp đổi sang GCNQSDĐ tại thửa 104 tờ bản đồ số 6 diện tích 37.863,1m², hiện

tại ông P đang sử dụng duy nhất diện tích đất vườn rừng này ngoài ra không có diện tích đất vườn rừng nào khác.

[15] Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa ông P vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng ông P không có đơn yêu cầu độc lập, không nộp tạm ứng án phí nên cấp sơ thẩm đã xác định ông P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là chưa chính xác, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại tư cách tham gia tố tụng của ông P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[16] Căn cứ vào kết quả lồng ghép mảnh trích đo địa chính số 09-2019, lồng ghép bổ sung ngày 19-4-2021 của Văn phòng đăng ký đất đai, Sở TN&MT tỉnh Hà Giang (được cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai, Sở TN&MT tỉnh trực tiếp trình chiếu tại phiên tòa phúc thẩm) xác định diện tích đất tranh chấp nằm hoàn toàn ngoài diện tích hộ ông Vương Chân P được cấp GCNQSDĐ tại thửa 104, do vậy việc ông P cho rằng hộ ông H sử dụng đất lấn chiếm sang đất của ông là không có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, sau khi đại diện Văn phòng đăng ký đất đai, Sở TN&MT tỉnh Hà Giang phân tích trình chiếu kết quả đo đạc, lồng ghép đất tranh chấp thì ông P công nhận diện tích đất tranh chấp không thuộc diện tích đất hộ gia đình ông được cấp GCNQSDĐ nên ông không có ý kiến gì đối với diện tích đất tranh chấp nữa.

[17] Từ nhận định tại các đoạn [12] [13] Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thèn Văn H là có căn cứ nên kháng cáo của bị đơn ông Bùi Quốc D là không có căn cứ để chấp nhận.

[18] Về chi phí tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông P chịu chi phí tố tụng là không đúng, cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng buộc ông D phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với phần diện tích đất tranh chấp $11.170,2\text{m}^2$, cụ thể $(6.407.842 \text{ đồng} : 19.837\text{m}^2) \times 11.170,2\text{m}^2 = 3.607.974 \text{ đồng}$ làm tròn số là 3.608.000 đồng; ông H phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với diện tích đất tại thửa 1, 2 mảnh trích đo là $8.667,2\text{m}^2$, cụ thể $(6.407.842 \text{ đồng} : 19.837\text{m}^2) \times 8.667,2\text{m}^2 = 2.799.720 \text{ đồng}$, làm tròn số là 2.800.000 đồng. Do ông H đã nộp tạm ứng số tiền trên nên ông D phải trả cho ông H số tiền 3.608.000 đồng. Ông H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 700.000đ (ông H đã nộp đủ).

[19] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm không buộc nguyên đơn ông H phải chịu án phí, buộc bị đơn ông Bùi Quốc D phải chịu án phí sơ thẩm là có căn cứ. Do ông P được cấp phúc thẩm xác định lại tư cách tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên ông P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên cấp phúc thẩm sẽ sửa bản án sơ thẩm về án phí cho phù hợp.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông D không được chấp nhận nên ông D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Quốc D; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 26-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện V về phần án phí và chi phí tố tụng.

Căn cứ vào Điều 5, Điều 6, Điều 12, Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 175, Điều 176; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 203; Điều 220; Điều 244; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thèn Văn H.

- Xác định diện tích đất 19.705,8m² (thửa 1, 2, 3 mảnh trích đo 09-2019 trừ diện tích 131,6m² thuộc thửa số 107 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) được đánh số từ H1 đến H24 khép về H1; Hình thể, vị trí, các hướng tiếp giáp thửa đất được thể hiện tại thửa số 01, 02, 03 mảnh trích đo địa chính số 09-2019 hệ tọa độ VN2000 ngày 13-8-2019, bổ sung ngày 19-4-2021, địa chỉ đất tranh chấp thuộc đội 2, thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang thuộc quyền sử dụng của hộ ông Thèn Văn H (Có sơ đồ kèm theo);

Ông Thèn Văn H có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Về chi phí tố tụng: Ông Bùi Quốc D phải chịu chi phí tố tụng số tiền 3.608.000đ; ông Thèn Văn H phải chịu phí tố tụng số tiền 2.800.000 đồng. Do ông H đã nộp toàn bộ số tiền trên cho Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường nên ông D phải trả cho ông H số tiền 3.608.000đ; ông H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 700.000đ (ông H đã nộp đủ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí: Ông Bùi Quốc D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Thèn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả

lại cho ông H 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang, theo biên lai số 02143 ngày 11-01-2019.

Ông Bùi Quốc D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai thu số 01975 ngày 22-02-2021.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện V;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Trương Huy Huân